

**DANH MỤC THUỐC**  
**NHÌN GIỐNG NHAU, ĐỌC GIỐNG NHAU**  
**(LASA: look alike sound alike)**  
**NĂM 2024**

Căn cứ Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện, để đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, Hội đồng thuốc và Điều trị thông báo đến các khoa, phòng những thuốc nhìn giống nhau, đọc giống nhau **(LASA: look alike sound alike)**:

(Danh mục này sẽ được cập nhật, bổ sung trong quá trình sử dụng. Đề nghị các khoa, phòng lưu ý thực hiện tốt các nguyên tắc kiểm tra, đối chiếu để tránh nhầm lẫn khi cấp phát, sử dụng thuốc)

**B. THUỐC ĐỒNG DƯỢC**

**1. Các thuốc nhìn giống nhau:**

| Stt | Tên biệt dược     | Tên thuốc/<br>Hoạt chất                                                                                                                  | Đơn<br>vị<br>tính | Đường<br>dùng | Mô<br>tả                                  | Hình ảnh                                                                             |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | SÁNG MẮT-F        | Thực địa, Hoài sơn, Đan<br>bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Bạch<br>linh/Bạch phục linh/Phục linh,<br>Trạch tả, Sơn thù, Câu kỷ tử,<br>Cúc hoa.     | Viên              | Uống          | Hộp 10<br>vi x 10<br>viên<br>nang<br>cứng |   |
|     | HƯƠNG SA LỤC QUÂN | Nhân sâm/Đảng sâm, Bạch<br>linh, Bạch truật, Cam thảo,<br>Trần bì, Bán hạ/Bán hạ chế, Sa<br>nhân, Mộc hương, (Gừng<br>tươi/Sinh khương). | Viên              | Uống          | Hộp 10<br>vi x 10<br>viên<br>nang<br>cứng |  |

| Stt | Tên biệt dược                             | Tên thuốc/<br>Hoạt chất                                                                                                          | Đơn<br>vị<br>tính | Đường<br>dùng | Mô<br>tả                  | Hình ảnh                                                                            |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 2   | FORVIM (NGÂN KIỆU<br>GIẢI ĐỘC XUÂN QUANG) | Kim ngân hoa, Liên kiều, Diệp<br>hạ châu, Bồ công anh, Mẫu đơn<br>bì, Đại hoàng.                                                 | Viên              | Uống          | Hộp 02<br>vi x 10<br>viên |   |
|     | GIẢI ĐỘC GAN XUÂN<br>QUANG                | Nhân trần, Trạch tả, Đại<br>hoàng, Sinh địa, Đương qui,<br>Mạch môn, Long đởm, Chi tử,<br>Hoàng cầm, (Cam thảo), (Mộc<br>thông). | Viên              | Uống          | Hộp 02<br>vi x 10<br>viên |  |

## 2. Các thuốc đọc giống nhau:

| Stt | Tên biệt dược                     | Tên hoạt chất                                                                                                             | Đơn vị tính | Đường dùng |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|
| 1   | <b>AN THẦN</b>                    | Đẳng tâm thảo, Táo nhân, Thảo quyết minh, Tâm sen.                                                                        | Viên        | Uống       |
|     | <b>AN THẦN ÍCH TRÍ</b>            | Toan táo nhân, Tri mẫu, Phục linh, Xuyên khung, Cam thảo.                                                                 |             |            |
| 2   | <b>CAO ÍCH MẪU TW3</b>            | Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).                                                                                | <b>Chai</b> | Uống       |
|     | <b>VIÊN ÍCH MẪU OP.CIM</b>        | Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).                                                                                | <b>Viên</b> |            |
| 3   | <b>HOASTEX</b>                    | Húng chanh, Núc nác, Cineol.                                                                                              | <b>Chai</b> | Uống       |
|     | <b>HOASTEX</b>                    | Húng chanh, Núc nác, Cineol.                                                                                              | <b>Gói</b>  |            |
| 4   | <b>HOẠT HUYẾT DƯỠNG NÃO</b>       | Đinh lăng, Bạch quả, (Đậu tương).                                                                                         | <b>Viên</b> | Uống       |
|     | <b>HOẠT HUYẾT THÔNG MẠCH K/H</b>  | Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm). | <b>Chai</b> | Uống       |
| 5   | <b>KHANG MINH LỤC VỊ NANG</b>     | Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.                                            | Viên        | Uống       |
|     | <b>KHANG MINH PHONG THÁP NANG</b> | Lá lốt, Hy thiêm, Ngưu tất, Thỏ phục linh.                                                                                |             |            |
|     | <b>KHANG MINH TỶ VIÊM NANG</b>    | Tân di hoa, Thăng ma, Xuyên khung, Bạch chỉ, Cam thảo.                                                                    |             |            |
| 6   | <b>KIM TIỀN THẢO - HT</b>         | Kim tiền thảo.                                                                                                            | Viên        | Uống       |
|     | <b>KIM TIỀN THẢO HL</b>           | Kim tiền thảo, Râu mèo/Râu ngô.                                                                                           |             |            |

| Stt | Tên biệt dược            | Tên hoạt chất                                                                                                                                  | Đơn vị tính | Đường dùng |
|-----|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|
| 7   | PQA QUY TỶ THANG         | Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo). | Chai        | Uống       |
|     | QUY TỶ                   | Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đẳng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo). | Viên        |            |
| 8   | THÔNG XOANG MEDI         | Bạch chỉ, Phòng phong, Hoàng cầm, Ké đầu ngựa, Hạ khô thảo, Cỏ hôi, Kim ngân hoa.                                                              | Viên        | Uống       |
|     | THÔNG XOANG TÁN NAM DƯỢC | Tân di/Tân di hoa, Cáo bản, Bạch chỉ, Phòng phong, Tế tân, Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo.                                                    |             |            |